

Bản án số: 41/2018/DS-ST
Ngày: 18-10-2018
“V/v tranh hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thành**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông **Nguyễn Thành Dân**

2/. Ông **Nguyễn Công Lý**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Luyến** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Dương Trung Kiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLST-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2018 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2018/QĐST-ST ngày 03/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 13, xã Châu H, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Phạm Ngọc N** sinh năm 1989 theo văn bản ủy quyền ngày 24/5/2018.

Địa chỉ: Ấp X M 2, thị trấn P, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng

Bà **Phạm Ngọc N** (vắng mặt) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/10/2018.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Văn A** (vắng mặt)

2.2. Bà **Nguyễn Thị L** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Tràm K, xã Châu H, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 5 năm 2018 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn vụ án có nội dung như sau:

Vào ngày 15/4/2014 nguyên đơn có cho vợ chồng bị đơn là Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị L mượn số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Khi mượn tiền các bị đơn có làm giấy thế chấp 02 công đất nhưng không có giao đất cho nguyên đơn sử dụng và hẹn 01 năm sau sẽ trả tiền, nếu không trả tiền sẽ giao 02 công đất cho nguyên đơn canh tác. Đến năm 2015 nguyên đơn có đòi tiền nhưng các bị đơn chỉ hẹn mà không trả và cũng không giao đất cho nguyên đơn sử dụng.

Nguyên đơn nhiều lần yêu cầu các bị đơn trả nợ, nhưng các bị đơn không trả. Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị L liên đới trả tiền mượn còn nợ là 50.000.000 đồng và lãi suất từ ngày cho mượn 15/4/2014 đến ngày khởi kiện 24/5/2018 là 49 tháng theo mức lãi suất 1,66%/tháng. Tổng tiền lãi là 40.670.000 đồng và tính lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất do Nhà nước qui định.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/10/2018 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện. Cụ thể là yêu cầu tính lãi từ ngày 15/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất qui định của pháp luật.

Đối với các bị đơn Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị L sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ra Thông báo thụ lý vụ án số 167/TB-TA ngày 06/6/2018 và đã tổng đạt hợp lệ cho các bị đơn nhưng các bị đơn không có ghi ý kiến của bị đơn gửi cho Tòa án.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã tổng đạt hợp lệ cho các bị đơn 02 lần nhưng các bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án lập biên bản không hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát như sau: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H. Buộc các bị đơn trả vốn vay 50.000.000 đồng và lãi suất theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tính từ ngày 15/4/2015 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử nhận thấy theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu các bị đơn Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị L trả tiền mượn và lãi suất còn nợ nên tranh chấp giữa các đương sự là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo qui định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng

Dân sự. Các bị đơn có địa chỉ tại ấp Tràm K, xã Châu H, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

[2] Các bị đơn Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo qui định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

[3] Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và rút lại một phần lãi suất là yêu cầu các các bị đơn trả vốn vay 50.000.000 đồng còn phần tiền lãi tính từ ngày 15/4/2015 đến ngày xét xử theo mức lãi suất do Nhà nước qui định. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật, có lợi cho các bị đơn nên Hội đồng xem xét chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa vắng mặt các bị đơn, nhưng chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy thế chấp đất ngày 15/4/2014 thể hiện các bị đơn thế chấp cho nguyên đơn 02 công đất với giá 50.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn không phản đối chứng cứ do nguyên đơn đưa ra, nên theo qui định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả vốn vay 50.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi từ ngày 15/4/2015 đến ngày xét xử trên số vốn vay 50.000.000 đồng theo mức lãi suất do Nhà nước qui định của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Giấy thế chấp đất ngày 15/4/2014 thể hiện các bị đơn thế chấp cho nguyên đơn 02 công đất để nhận của nguyên đơn 50.000.000 đồng và có thỏa thuận thời gian thanh toán là 01 năm nếu không trả sẽ giao đất cho nguyên đơn sử dụng. Điều này thể hiện giao dịch giữa nguyên đơn và các bị đơn là hợp đồng vay tài sản, việc lập giấy thế chấp đất là để làm tin, các bị đơn không có giao đất cho nguyên đơn sử dụng, nhưng hợp đồng vay giữa nguyên đơn và các bị đơn không có thỏa thuận mức lãi suất nên giao dịch giữa nguyên đơn và các bị đơn là hợp đồng vay không có lãi, nhưng có thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm. Tại Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự qui định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có qui định khác”*. Theo qui định trên, xét thấy yêu cầu tính lãi từ ngày 15/4/2015 đến ngày xét xử trên số vốn vay 50.000.000 đồng theo mức lãi suất do Nhà nước qui định của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận và tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 15/4/2015 đến ngày 18/10/2018 là 42 tháng 03 ngày (50.000.000 đồng x 42 tháng 03 ngày x 0,83%) là: 17.471.500 đồng.

[6] Từ những căn cứ nêu trên xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H về việc buộc các bị đơn Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị L trả tiền vay và lãi suất còn nợ là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận. Đồng thời, buộc các bị đơn Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị L liên đới trả tiền vay và lãi suất còn nợ là 67.471.500 đồng (sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi một ngàn năm trăm đồng) cho nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[7] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu (67.471.500 đồng x 5%) là 3.373.500 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi ba ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 463; 466; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H.

1. Buộc các bị đơn Nguyễn Văn A và Nguyễn Thị L liên đới trả tiền vay và lãi suất còn nợ là 67.471.500 đồng (sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi một ngàn năm trăm đồng) cho nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu là: 3.373.500 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi ba ngàn năm trăm đồng), hoàn trả cho nguyên đơn H 2.266.750 đồng (hai triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003205 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thành